

Số : 16
Ngày 03/5/2017

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin hàng tuần
Ra ngày thứ hai

VĂN BẢN MỚI

1. Từ ngày 01/7/2017, tăng mức lương cơ sở lên 1,3 triệu đồng/tháng.
2. Quy định về lập kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước.
3. Từ 01/6/2017, giảm 0,5% mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
4. Điều kiện thành lập trường mầm non, nhà trẻ.
5. Đến năm 2030, công nghệ sinh học đóng góp tối thiểu 7% GDP.
6. Hỗ trợ bổ sung 163,34 tỷ đồng cho một số xã vùng đồng bằng sông Cửu Long để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
7. Tiền công của người làm việc theo hình thức cộng đồng không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.

CÓ THỂ BẠN CHƯA BIẾT

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Những trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng trong tố tụng hành chính?
2. Quy định việc quản lý nhà nước về thi hành án hành chính trong tố tụng hành chính?
3. Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong tố tụng hành chính?
4. Quy định quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ trong tố tụng hành chính?

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. TỪ NGÀY 01/7/2017, TĂNG MỨC LƯƠNG CƠ SỞ LÊN 1,3 TRIỆU ĐỒNG/THÁNG

Đây là nội dung được Chính phủ quy định tại Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 về việc quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Theo đó, từ ngày 01/7/2017, mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang là 1.300.000 đồng/tháng. Mức lương này được điều chỉnh dựa trên khả năng ngân sách nhà nước, chỉ số giá tiêu dùng và tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước. Mức lương này được áp dụng cho cán bộ, công chức từ trung ương đến cấp xã; viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động xếp lương theo quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ và công nhân, viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, công nhân công an và lao động hợp đồng thuộc Công an nhân dân; người làm việc trong tổ chức cơ yếu và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương sắp xếp trong phạm vi dự

toán ngân sách nhà nước được giao, phân đầu tăng nguồn thu sự nghiệp và sử dụng nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết năm 2016 chuyển sang (nếu có) để cân đối nguồn thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở năm 2017.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2017 và thay thế Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ.

2. QUY ĐỊNH VỀ LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH -NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Ngày 21/4/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 45/2017/NĐ-CP quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước (NSNN) 03 năm.

Theo đó, kế hoạch tài chính 05 năm để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu cơ bản về tài chính-NSNN trong thời gian 05 năm; giữ vai trò định hướng cho kế hoạch tài chính-NSNN 03 năm và dự toán NSNN hằng năm. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, cơ quan trung ương có liên quan lập kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định. UBND cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Kế hoạch tài chính-NSNN 3 năm được lập hằng năm theo phương thức cuốn chiếu cho thời gian 03 năm, kể từ năm dự toán ngân sách và 2 năm tiếp theo. Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm được lập hàng năm để triển khai kế hoạch tài chính 05 năm, thể hiện những nội dung lớn về khung cân đối NSNN và trần chi ngân sách cho các bộ, cơ quan, đơn vị và địa phương trong thời gian 03 năm, có tính đến diễn biến tình hình kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách hiện tại và cập nhật dự báo trong thời gian 03 năm kế hoạch, làm cơ sở cho việc lập, xem xét, quyết định dự toán NSNN hằng năm. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch tài chính-NSNN 3 năm quốc gia báo cáo Chính phủ trình Quốc hội để tham khảo, xem xét, thông qua dự toán NSNN và phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm. Các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình gửi cơ quan tài chính, kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/6/2017 và áp dụng từ năm ngân sách 2017.

3. TỪ NGÀY 01/6/2017, GIẢM 0,5% MỨC ĐÓNG BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Nghị định số 44/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 quy định về mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong bảo hiểm xã

hội bắt buộc quy định người sử dụng lao động hàng tháng đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật an toàn, vệ sinh lao động với mức như sau: 0,5% trên quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của người lao động được quy định tại các điểm a,b,c,d,đ và h khoản 1 Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội, trừ trường hợp lao động là người giúp việc gia đình; 0,5% trên mức lương cơ sở đối với người lao động được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội. Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trả lương theo sản phẩm, theo khoán thì mức đóng hàng tháng 0,5% trên quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của người lao động. Phương thức đóng được thực hiện hàng, 03 tháng hoặc 06 tháng một lần.

Đối tượng tham gia điều chỉnh mức đóng như trên bao gồm: Người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp; tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác; cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Căn cứ vào khả năng bảo đảm cân đối Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Chính phủ xem xét điều chỉnh mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ ngày 01/01/2020. Riêng trường hợp người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 1 tháng đến dưới 3 tháng, việc đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo mức 0,5% mức lương hàng tháng sẽ áp dụng từ ngày 01/01/2018.

4. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP TRƯỜNG MẦM NON, NHÀ TRẺ

Đây là nội dung được Chính phủ quy định tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

Theo đó, điều kiện thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục gồm: Có đề án thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trong đề án thành lập phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng yêu cầu, duy trì và phát triển hoạt động giáo dục; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đủ về số lượng, đạt tiêu chuẩn bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục mầm non và tổ chức hoạt động giáo

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

dục; có quy chế tổ chức và hoạt động của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ... Để được hoạt động, các cơ sở này phải đảm bảo được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án, ra quyết định thành lập.

Trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ bị đình chỉ hoạt động khi xảy ra hành vi gian lận để được cho phép hoạt động giáo dục; không bảo đảm bảo một trong các điều kiện để được phép hoạt động giáo dục; không triển khai hoạt động giáo dục trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được phép hoạt động giáo dục....

Ngoài ra trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ bị giải thể khi xảy ra vi phạm nghiêm trọng các quy định về tổ chức, hoạt động của trường; mục tiêu và nội dung hoạt động trong quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội hoặc có thể bị giải thể theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/4/2017.

5. ĐẾN NĂM 2030, CÔNG NGHỆ SINH HỌC ĐÓNG GÓP TỐI THIỂU 7% GDP

Ngày 21/4/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 553/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ sinh học đến năm 2030.

Mục tiêu chung của Kế hoạch tập trung nguồn lực đầu tư phát triển

Số 16 ngày 03/5/2017 trang 4/11

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

công nghiệp sinh học, đổi mới cơ chế chính sách, tranh thủ hợp tác và hỗ trợ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư và sản xuất sản phẩm từ công nghệ sinh học (doanh nghiệp công nghiệp sinh học) trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng (các ngành, lĩnh vực) và trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phục vụ an sinh xã hội, bảo vệ môi trường bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Đến năm 2025, đẩy mạnh xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học trong các ngành, lĩnh vực, ưu tiên nhóm sản phẩm trong nông nghiệp, y dược, công thương. Phát triển tăng 20% số lượng doanh nghiệp công nghiệp sinh học, góp phần đóng góp tối thiểu 5% GDP từ công nghiệp sinh học. Đến năm 2030, tạo động lực đột phá, huy động nguồn lực phát triển tăng tối thiểu 50% các doanh nghiệp công nghiệp sinh học trong các ngành, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế; góp phần đạt tối thiểu 7% GDP từ công nghiệp sinh học.

Chính phủ đầu tư phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm trong nông, lâm, thủy sản với các nhóm chủ yếu: Sản phẩm giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; sản phẩm phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, sản phẩm xử lý môi trường, thức ăn chăn nuôi... và các sản phẩm sinh học phục vụ bảo quản chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy, hải sản; vắc - xin phòng

bệnh cho vật nuôi; thuốc thú y sinh học, kit sử dụng cho chẩn đoán, quản lý dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản và kiểm tra dư lượng các chất cấm; thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp.

Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực y dược với các nhóm chủ yếu: Các loại vắc- xin phòng bệnh cho người trong chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia và các vắc -xin khác phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; sản phẩm giống dược liệu, hoạt chất từ dược liệu, sản xuất và bảo quản dược liệu; thuốc sinh học, thuốc kháng sinh, sản phẩm sinh học, sản phẩm kháng thể phục vụ điều trị bệnh ở người; thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm sinh học trong lĩnh vực y dược.

Ngoài ra, phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường với các nhóm chủ yếu: Các chế phẩm xử lý chất thải trong sản phẩm, chế biến nông, lâm, thủy sản; sản phẩm xử lý chất thải y tế; sản phẩm xử lý chất thải trong công nghiệp và sinh hoạt; thiết bị, dây chuyền thiết bị phục vụ sản xuất các sinh phẩm sinh học trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Phát triển công nghệ sinh học trong lĩnh vực an ninh quốc phòng với các nhóm chủ yếu: Thẻ AND nhận dạng cá thể người và các bộ kit chuẩn đoán chuyên dụng...

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/4/2017.

6. HỖ TRỢ BỔ SUNG 163,34 TỶ ĐỒNG CHO MỘT SỐ XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

Để đảm bảo quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tạo quyền chủ động cho bộ, ngành trung ương và các cấp chính quyền địa phương trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, ngày 22/4/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối xứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Theo đó, các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương được phân bổ cho các bộ, ngành trung ương và địa phương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trong đó có hỗ trợ bổ sung 163,34 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển cho một số xã vùng đồng bằng sông Cửu Long thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; triển khai Đề án

thí điểm về tổ chức sản xuất tại 7 vùng kinh tế của cả nước.

Cụ thể: ưu tiên hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã nghèo thuộc các huyện nghèo; xã nghèo thuộc huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng như các huyện nghèo. Tập trung đầu tư cho các xã mới đạt dưới 05 tiêu chí và các xã đã đạt trên 15 tiêu chí để phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới; chú trọng đầu tư cho các xã chưa hoàn thành các công trình hạ tầng cơ bản (giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thủy lợi); hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường. Không bố trí vốn ngân sách trung ương cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có điều tiết về ngân sách trung ương (trừ tỉnh Quảng Ngãi). Dành khoảng 10% tổng các nguồn vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để thực hiện các nhiệm vụ như thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 – 2020...

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/6/2017 và áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. TIỀN CÔNG CỦA NGƯỜI LÀM VIỆC THEO HÌNH THỨC CỘNG ĐỒNG KHÔNG ĐƯỢC THẤP HƠN MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG

Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/04/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm về chính sách việc làm công quy định: Tiền công của người lao động được thanh toán trên cơ sở thỏa thuận giữa những người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng và căn cứ thời gian thực tế làm việc, khối lượng, chất lượng công việc người lao động đã thực hiện, cụ thể: Đối với người lao động làm việc đủ 8 giờ trong 1 ngày và 26 ngày trong 1 tháng thì tiền công tính theo tháng và không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại nơi thực hiện dự án, hoạt động. Đối với người lao động làm việc không đủ 8 giờ trong 1 ngày hoặc 26 ngày trong 1 tháng thì tiền công tính theo giờ và không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại nơi thực hiện các dự án, hoạt động chia 26 ngày và chia 8 giờ. Trường hợp người lao động làm thêm

giờ thì được thanh toán tiền công theo giờ cho những giờ làm thêm.

Việc tổ chức, sắp xếp thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi do những người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng thỏa thuận phải bảo đảm thời giờ làm việc không quá 8 giờ trong 1 ngày; mỗi tuần được nghỉ ít nhất 1 ngày (24 giờ liên tục). Trường hợp đặc biệt do chu kỳ lao động không thể nghỉ hằng tuần, thì được nghỉ tính bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày; trường hợp phải làm thêm giờ thì tổng số giờ làm việc và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 1 ngày.

Người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng được hưởng các chế độ an toàn, vệ sinh lao động và chịu trách nhiệm về an toàn, vệ sinh lao động đối với công việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật. Chủ đầu tư có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện để người lao động được làm việc trong môi trường an toàn, vệ sinh lao động và được hưởng các chế độ quy định về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2017.

DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp đang được tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành và nhân dân trong và ngoài nước với các nội dung mới nhằm tăng cường tính ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính trong việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Theo đó, Phiếu lý lịch tư pháp được cấp dưới hình thức văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử; phiếu lý lịch tư pháp được cấp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. Phiếu lý lịch tư pháp bao gồm: Phiếu lý lịch tư pháp số 1, cấp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức; Phiếu lý lịch tư pháp số 2, cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Cơ quan quản lý lý lịch tư pháp và Sở Tư pháp là cơ quan thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức khi có yêu cầu. Thủ trưởng cơ quan quản lý lý lịch tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp hoặc người được ủy quyền ký Phiếu lý lịch tư pháp chịu trách nhiệm về nội dung của Phiếu. Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp có án tích và thông tin về việc đương nhiên xóa án tích chưa được cập nhật vào lý lịch tư pháp của người đó thì cơ quan quản lý lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp nơi tiếp nhận yêu cầu cấp Phiếu đề nghị Viện kiểm sát ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố, Tòa án, cơ quan điều tra có liên quan cung cấp thông tin. Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

tin về việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với người đó.

Công dân Việt Nam nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp tại một trong các cơ quan sau: Sở Tư pháp nơi thường trú, trường hợp không có nơi thường trú và có một nơi tạm trú nộp tại Sở Tư pháp nơi tạm trú; trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì nộp tại cơ quan quản lý lý lịch tư pháp; trường hợp thường trú hoặc tạm trú ở nhiều nơi thì nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp nơi người đó cư trú hoặc tại cơ quan quản lý lý lịch tư pháp; trường hợp đang cư trú ở nước ngoài nộp tại Sở Tư pháp nơi thường trú trước khi xuất cảnh hoặc cơ quan quản lý lý lịch tư pháp. Công dân là người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp nơi người đó đã, đang cư trú hoặc tại cơ quan quản lý lý lịch tư pháp.

Hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp gồm: Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp; Bản sao sổ hộ khẩu, giấy xác nhận thường trú hoặc tạm trú, thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Riêng cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là người dưới 14 tuổi sẽ phải nộp Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp kèm theo bản sao sổ hộ khẩu; trường hợp

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

là người nước ngoài dưới 14 tuổi nộp kèm theo hộ chiếu.

Thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là người bị kết án bởi nhiều bản án thì thời hạn không quá 20 ngày. Trường hợp khẩn cấp theo quy định thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu. Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp chưa đủ 14 tuổi thì thời hạn cấp Phiếu là 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận yêu cầu hợp lệ.

Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có quyền từ chối cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong các trường hợp: việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp không thuộc thẩm quyền; người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người khác mà không đủ điều kiện quy định; giấy tờ kèm theo Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp không đầy đủ hoặc giả mạo; thông tin trong Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp không đúng sự thật hoặc các trường hợp vì lý do an ninh, quốc phòng. Trường hợp từ chối cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Những trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng trong tố tụng hành chính?

***Trả lời:** Người tiến hành tố tụng phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây quy định tại Điều 45 Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 ngày 25/11/2015:

1. Đồng thời là đương sự, người đại diện, người thân thích của đương sự.
2. Đã tham gia với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch trong cùng vụ án đó.
3. Đã tham gia vào việc ra quyết định hành chính hoặc có liên quan đến hành vi hành chính bị khởi kiện.

4. Đã tham gia vào việc ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện.

5. Đã tham gia vào việc ra quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức hoặc đã tham gia vào việc ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức bị khởi kiện.

6. Đã tham gia vào việc ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh bị khởi kiện.

7. Đã tham gia vào việc lập danh sách cử tri bị khởi kiện.

8. Có căn cứ rõ ràng khác cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

2. Hỏi: Quy định việc quản lý nhà nước về thi hành án hành chính trong tổ tụng hành chính?

***Trả lời:** Điều 313 Luật tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13 ngày 25/11/2015 quy định việc quản lý nhà nước về thi hành án hành chính như sau:

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác thi hành án hành chính trong phạm vi cả nước; phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác quản lý nhà nước về thi hành án hành chính; định kỳ hàng năm báo cáo Quốc hội về công tác thi hành án hành chính.

2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thi hành án hành chính và có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án hành chính;

b) Bảo đảm biên chế, cơ sở vật chất, phương tiện cho công tác quản lý nhà nước về thi hành án hành chính;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý thi hành án hành chính; phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án hành chính;

d) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý thi hành án hành chính;

đ) Báo cáo Chính phủ về công tác thi hành án hành chính;

e) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thống kê, theo dõi, tổng kết công tác thi hành án hành chính.

3. Hỏi: Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong tổ tụng hành chính?

***Trả lời:** Điều 79 Luật tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13 ngày 25/11/2015 quy định sau đây:

1. Những tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh:

a) Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận;

b) Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp; trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của tình tiết, sự kiện trong văn bản này thì Thẩm phán có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đã cung cấp, giao nộp văn bản xuất trình văn bản gốc, bản chính.

2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đưa ra tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản đó không phải chứng minh. Đương sự có người đại diện tham gia tổ tụng thì sự thừa nhận hoặc không phản đối của

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

người đại diện được coi là sự thừa nhận của đương sự nếu không vượt quá phạm vi đại diện.

4. Hỏi: *Quy định quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ trong tố tụng hành chính?*

***Trả lời:** Điều 93 Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 ngày 25/11/2015 quy định vấn đề này như sau:

1. Đương sự có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ. Khi yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ thì đương sự phải làm đơn ghi rõ tài liệu, chứng cứ cần cung cấp, lý do yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; họ, tên, địa chỉ của cá nhân, tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ cần cung cấp.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ cho đương sự trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp không cung cấp được thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người có yêu cầu biết.

2. Trường hợp đương sự đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập chứng cứ mà vẫn không thể tự mình thu thập được thì có thể đề nghị Tòa án ra quyết định yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho mình hoặc tiến hành thu

thập tài liệu, chứng cứ bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hành chính.

Đương sự yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ phải làm đơn ghi rõ vấn đề cần chứng minh; chứng cứ cần thu thập; lý do vì sao tự mình không thu thập được; họ, tên, địa chỉ của cá nhân, tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ cần thu thập.

3. Trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc xét thấy cần thiết, Tòa án yêu cầu cơ quan, tổ chức cá nhân đang quản lý, lưu giữ cung cấp cho mình tài liệu, chứng cứ.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp hết thời hạn này mà không cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án thì cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Tòa án. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện yêu cầu của Tòa án mà không có lý do chính đáng có thể bị xử lý theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan. Việc xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân không phải là lý do miễn nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

4. Trường hợp Viện kiểm soát có yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này./.